

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 104/2021/HSST
Ngày: 19-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Bích Cẩm.

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Ông Nguyễn Hồng Kim – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 108/2021/TLST - HS ngày 14 tháng 9 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2021/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Minh H**, sinh năm: 1994.

Nơi ĐKTT và chỗ ở: 638/55 Ấp 2, xã Bình Hưng, huyện B, thành phố X; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Sang và bà Nguyễn Thị Kiều Vân; bản thân có vợ tên Nguyễn Thị Tuyết Mai, chưa con; tiền án: không; tiền sự: Ngày 07/7/2015 Tòa án nhân dân huyện B, TP X, ra Quyết định số 161/QĐ-TA, về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 24 tháng. Đã chấp hành xong ngày 04/6/2017. Ngày 10/7/2019 Tòa án nhân dân huyện B, TP X, ra Quyết định số 383/QĐ-TA, về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 18 tháng, kể từ ngày 22/4/2019. Đã chấp hành đến ngày 30/4/2020 bỏ trốn khỏi cơ sở cai nghiện ma túy Phước Bình. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/5/2021 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Nguyễn Thị Thu Hương, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Cư trú: 219/3 Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, thành phố X.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Phạm Văn Việt, sinh năm: 1973 (vắng mặt).

2/ Phạm Nhật Tam, sinh năm: 2001 (vắng mặt).

Cùng cư trú: ấp Xóm Mới, xã Kiểng Phước, huyện Đ, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 00 ngày 22/5/2021, Đinh Văn Sang điều khiển xe mô tô BS: 63B7-438.99 chở Nguyễn Minh H từ thành phố X về nhà của Sang ở huyện Cần Đức, tỉnh L, chơi. Khi đến quán cháo lòng của anh Nguyễn Văn Quốc thuộc khu phố Hòa Thuận 2, thị trấn C, huyện C thì cả hai ghé vào quán của anh Quốc để mua cháo. Lúc này, H phát hiện xe mô tô Vison màu đỏ, biển số 59L2-211.87 của chị Nguyễn Thị Thu Hương, đang đậu tại quán, trên xe có gắn chìa khóa, H nảy sinh ý định trộm xe mô tô trên. H khai nhận có bàn với Sang lấy trộm xe bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì Sang đồng ý. H đến vị trí xe mô tô đang đậu, quan sát thấy chị Hương không để ý nên lén lút lên xe, sau đó nổ máy tẩu thoát về hướng thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến thành phố X, H khai nhận có dùng điện thoại Nokia liên lạc với Sang thì Sang cho H số điện thoại của đối tượng tên Phúc (không rõ lai lịch địa chỉ) để H liên lạc với Phúc bán xe. Khi đến công viên Phú Lâm thuộc Quận 6, thành phố X, H liên lạc với Phúc, nhờ Phúc đem bán được 4.500.000 đồng, H cho Phúc 500.000 đồng, còn lại chia đôi, bị cáo và Sang mỗi người 2.000.000 đồng. Sau khi phát hiện bị mất xe, chị Hương đến cơ quan Công an trình báo. Qua truy xét và làm việc Nguyễn Minh H đã thừa nhận hành vi cùng với Sang lấy cắp xe mô tô trên, riêng Sang đã bỏ khỏi địa phương đi đâu không rõ, cơ quan CSĐT Công an huyện chưa làm việc được.

Tại kết luận định giá tài sản số: 40/KLĐG ngày 26/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, xác định: 01 (Một) xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ - đen, biển số: 59L2 – 211.87, số máy: JF58E0319741, số khung: 5807EY433943; Xe đã qua sử dụng, xe đăng ký lần đầu ngày 21/01/2016 (Tài sản không thu hồi được). Hội đồng thống nhất xác định giá trị tài sản trên là: 17.530.000 đồng (*Mười bảy triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã nhìn nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 114/CT-VKSCG, ngày 14/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Nguyễn Minh H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: đề nghị áp dụng các Điều 584; 585 và 589: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Thu Hương số tiền 17.530.000 đồng.

Về tang vật thu giữ: đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự. Tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, sim số 0935.766.582 bị cáo khai dùng để liên lạc để bán xe. Đối với: 01 (một) xe mô tô, hiệu Yamaha, màu đỏ đen, biển số 63B7 – 438.99 và giấy chứng nhận đăng ký xe là tài sản của Phạm Nhựt Tam, Tam cho Sang mượn và không biết Sang dùng làm phương tiện phạm tội, nên cơ quan CSĐT đã hoàn trả cho anh Tam; 01 (một) điện thoại di động Samsung grand prime, sim số 0908.710.925; 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen, hiệu nón sơn; 01 (một) áo somi dài tay màu đen; 01 (một) áo thun ngắn tay màu đỏ; 01 (một) quần sọt caro màu trắng xanh đen; 01 (một) đôi dép quai quai, hiệu Nike, màu xanh đen là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo trong lời nói sau cùng xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Giuộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành

vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Vào khoảng 11 giờ 00 ngày 22/5/2021, Đinh Văn Sang điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Minh H ghé quán cháo lòng của anh Nguyễn Văn Quốc thuộc khu phố Hòa Thuận 2, thị trấn C, huyện C để mua cháo. Tại đây, H phát hiện xe mô tô Vison màu đỏ, biển số 59L2-211.87 của chị Nguyễn Thị Thu Hương, đang đậu tại quán, trên xe có gắn chìa khóa, H nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. H quan sát thấy chị Hương không để ý nên lén lút lấy trộm rồi đem đến Tp. X nhờ đối tượng tên Phúc (không rõ nhân thân) bán được 4.500.000 đồng, H cho Phúc 500.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo khai chia đôi cho Sang và bị cáo mỗi người 2.000.000 đồng. Tại kết luận định giá tài sản số: 40/KLĐG ngày 26/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, xác định xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ - đen, biển số: 59L2 – 211.87 trị giá là: 17.530.000 đồng. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị trên 2.000.000 đồng và dưới 50.000.000 đồng, nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây mất an ninh trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[4] Xét về tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự: không.

[5] Xét về tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội nhưng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Xét về nhân thân: bị cáo có 02 tiền sự: Ngày 07/7/2015 Tòa án nhân dân huyện B, TP X, ra Quyết định số 161/QĐ-TA, về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 24 tháng. Đã chấp hành xong ngày 04/6/2017. Ngày 10/7/2019 Tòa án nhân dân huyện B, TP X, ra Quyết định số 383/QĐ-TA, về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 18 tháng, kể từ ngày 22/4/2019. Đã chấp hành đến ngày 30/4/2020 bỏ trốn khỏi cơ sở cai nghiện ma túy Phước Bình. Do đó xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, mới có thể giáo dục, cải tạo bị cáo

trở thành người có ích cho xã hội. Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[7] Đối với Đinh Văn Sang là người Nguyễn Minh H khai nhận cùng thực hiện hành vi lấy cắp xe mô tô, hiện Sang đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, ngoài lời khai của H thì không còn chứng cứ nào khác xác định Sang thống nhất ý chí cùng H lấy trộm tài sản nên cơ quan CSĐT Công an huyện C, đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 12/QĐ-CSĐT, ngày 04/8/2021, là phù hợp. Đối với đối tượng tên Phúc theo bị cáo khai là người bán giùm xe mô tô lấy trộm nhưng quá trình điều tra không xác định được lai lịch của Phúc, nên không xem xét.

[8] Về tang vật thu giữ: đối với 01 (một) xe mô tô, hiệu Yamaha, màu đỏ đen, biển số 63B7 – 438.99 và giấy chứng nhận đăng ký xe, qua điều tra, xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Phạm Nhật Tam, anh Tam cho Sang mượn và không biết Sang dùng làm phương tiện phạm tội, nên cơ quan CSĐT đã hoàn trả cho anh Tam, là phù hợp. Đối với 01 (một) điện thoại di động Samsung grand prime, sim số 0908.710.925; 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen, hiệu nón sơn; 01 (một) áo somi dài tay màu đen; 01 (một) áo thun ngắn tay màu đỏ; 01 (một) quần sọt caro màu trắng xanh đen; 01 (một) đôi dép quay kẹp, hiệu Nike, màu xanh đen. Đây là tài sản và vật dụng cá nhân của bị cáo không liên quan đến vụ án nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho bị cáo, là phù hợp. Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia lắp sim số 0935.766.582 bị cáo khai nhận là dùng để liên lạc với đối tượng tên Phúc để bán xe, nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp với Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự: tài sản không thu hồi được, tại phiên tòa chị Hương vắng mặt, nhưng theo hồ sơ thể hiện (*bút lục 70*) chị Hương yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 17.530.000 đồng. Trước yêu cầu của chị Hương, tại phiên tòa bị cáo đồng ý, nên ghi nhận

[10] Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải bồi thường cho chị Hương là 17.530.000 đồng theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Minh H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 26/5/2021.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (19/10/2021) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Về tang vật: tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia và sim điện thoại di động số 0935.766.582.

Hiện vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện C đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 85/QĐ-VKSCG, ngày 14/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585 và 589; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Minh H phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu Hương số tiền 17.530.000 đồng (mười bảy triệu, năm trăm ba mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất pháp luật quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Về án phí: bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 876.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- CA huyện C;
- THA huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN ĐỨC BẢO

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

C, ngày 19 tháng 10 năm 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 19 tháng 10 năm 2021.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh L.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Bích Cẩm.

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 108/2021/TLHS-ST, ngày 14/9/2021 đối với bị cáo: Nguyễn Minh H.

Căn cứ vào Điều 259 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về Điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về hình phạt:

Xử phạt: Nguyễn Minh H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 26/5/2021.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (19/10/2021) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Các vấn đề khác:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Về tang vật: tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia và sim điện thoại di động số 0935.766.582.

Hiện vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện C đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 85/QĐ-VKSCG, ngày 14/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585 và 589; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Minh H phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu Hương số tiền 17.530.000 đồng (mười bảy triệu, năm trăm ba mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất pháp luật quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Về án phí: bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 876.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 45 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

